BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
*	
Số 379-QĐ/TW	*Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2025*

QUY ĐỊNH
về thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng

---

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII;

- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Căn cứ Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư về phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng;

- Căn cứ Quyết định số 333-QĐ/TW, ngày 23/6/2025 của Ban Bí thư về việc ban hành Kiến trúc chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, phiên bản 3.0;

- Căn cứ Quy định số 337-QĐ/TW, ngày 27/6/2025 của Ban Bí thư về việc gửi, nhận văn bản điện tử trên mạng thông tin diện rộng của Đảng và mạng Internet;

- Căn cứ Quy định số 338-QĐ/TW, ngày 09/7/2025 của Ban Bí thư quy định về thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử;

- Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11, ngày 29/6/2006 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật Cơ yếu số 05/2011/QH13, ngày 26/11/2011 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13, ngày 19/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14, ngày 12/6/2018 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14, ngày 15/11/2018 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15, ngày 21/6/2024 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

- Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15, ngày 26/6/2025 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 42/VBHN-VPQH, ngày 27/02/2025 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15, ngày 22/6/2023 của Quốc hội có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15, ngày 30/11/2024 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025);

- Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP, ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Căn cứ Nghị định số 01/2024/NĐ-CP, ngày 01/4/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cơ yếu về hoạt động mật mã để bảo vệ thông tin bí mật nhà nước;

- Căn cứ Nghị định số 68/2024/NĐ-CP, ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ;

- Căn cứ Nghị định số 137/2024/NĐ-CP, ngày 23/10/2024 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử;

- Căn cứ Nghị định số 23/2025/NĐ-CP, ngày 21/02/2025 của Chính phủ về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;

- Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP, ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

- Căn cứ Nghị định số 194/2025/NĐ-CP, ngày 03/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BNV, ngày 24/5/2025 của Bộ Nội vụ quy định nghiệp vụ lưu trữ tài liệu lưu trữ số,

Ban Bí thư quy định về thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng, nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số toàn diện,

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và quy trình giải quyết công việc; nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tham mưu của các cấp uỷ, cơ quan, tổ chức đảng; đồng thời thúc đẩy cải cách hành chính trong Đảng.

2. Quy định này không áp dụng đối với thông tin, dữ liệu, văn bản, hồ sơ thuộc danh mục tuyệt mật hoặc các thông tin, dữ liệu, văn bản, hồ sơ được quy định riêng của Đảng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức là chủ quản hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử trong các cơ quan, tổ chức đảng.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong các cơ quan, tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở tham gia giao dịch điện tử.

3. Các cơ quan, tổ chức khác trong hệ thống chính trị tham gia giao dịch điện tử với các cơ quan, tổ chức đảng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giao dịch điện tử trong các cơ quan, tổ chức đảng: Là giao dịch thực hiện bằng phương tiện điện tử giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hệ thống tổ chức của Đảng hoặc giữa cơ quan, tổ chức của Đảng với các cơ quan, tổ chức khác trong hệ thống chính trị trên môi trường điện tử.

2. Chủ quản hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử trong các cơ quan, tổ chức đảng: Là cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý trực tiếp đối với hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử trong các cơ quan đảng, tổ chức đảng.

3. Huỷ hiệu lực của văn bản điện tử: Là biện pháp làm cho văn bản điện tử không còn giá trị sử dụng trên hệ thống thông tin.

4. Huỷ văn bản điện tử: Là biện pháp làm cho văn bản điện tử không còn tồn tại trên hệ thống thông tin, không thể truy cập và tham chiếu đến thông tin đã được chứa trong văn bản điện tử.

5. Thông điệp dữ liệu: Là thông tin được tạo ra, được gửi, được nhận, được lưu trữ bằng phương tiện điện tử.

6. Dấu thời gian: Là dữ liệu điện tử gắn với thông điệp dữ liệu cho phép xác định thời gian của thông điệp dữ liệu đó tồn tại ở một thời điểm cụ thể.

7. Định danh điện tử: Là hoạt động đăng ký, đối soát, tạo lập và gắn danh tính điện tử với chủ thể danh tính điện tử.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều 4. Nguyên tắc chung thực hiện giao dịch điện tử

1. Nội dung giao dịch điện tử và việc thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng, đảng viên phải bảo đảm tuân thủ các quy định của Luật Giao dịch điện tử, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật khác có liên quan, đồng thời phù hợp với Quy định này và các quy định khác của Đảng có liên quan.

2. Bắt buộc sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng; chỉ chuyển đổi hình thức từ văn bản điện tử sang văn bản giấy trong các trường hợp thật sự cần thiết hoặc theo các quy định của Đảng và Nhà nước.

3. Việc thực hiện giao dịch điện tử có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và pháp luật về cơ yếu.

4. Dữ liệu trong giao dịch điện tử cần được quản lý theo nguyên tắc mở, liên thông, chia sẻ có kiểm soát; bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng; tuân thủ Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia tổng thể, Khung quản trị, quản lý dữ liệu, Từ điển dữ liệu quốc gia và quy định về kết nối chia sẻ dữ liệu bắt buộc trong hệ thống chính trị; bảo đảm khai thác, sử dụng hiệu quả, đồng thời giữ vững an toàn, an ninh thông tin và đúng thẩm quyền.

5. Việc tạo lập, số hoá, truyền nhận, quản lý, lưu trữ trên môi trường điện tử phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và pháp luật về cơ yếu, phải được mã hoá theo quy định.

6. Trường hợp hệ thống gặp sự cố, cơ quan chủ quản hệ thống có trách nhiệm thông báo ngay; chủ trì, phối hợp với các đơn vị kỹ thuật chuyên trách để khắc phục trong thời gian sớm nhất. Trong thời gian gián đoạn, các hoạt động được tạm thời chuyển sang xử lý bằng văn bản giấy. Đơn vị kỹ thuật chuyên trách có trách nhiệm hỗ trợ số hoá lại dữ liệu đã xử lý bằng giấy để bảo đảm tính liên tục, toàn vẹn của thông tin.

7. Việc ứng dụng hệ thống thông minh tự động, trí tuệ nhân tạo trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng phải đặt dưới sự giám sát của con người; mọi quyết định quan trọng do hệ thống đề xuất, đặc biệt là các quyết định liên quan đến công tác cán bộ, phải được người có thẩm quyền xem xét, thẩm định và phê duyệt; bảo đảm tính minh bạch, an toàn, bảo mật thông tin và tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm trong thực hiện giao dịch điện tử

1. Cản trở việc lựa chọn, sử dụng giao dịch điện tử.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Lợi dụng giao dịch điện tử để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Truy nhập, can thiệp, thay đổi, xoá, huỷ, sao chép, tiết lộ, hiển thị, di chuyển trái phép một phần hoặc toàn bộ dữ liệu, văn bản điện tử, nhật ký hệ thống.

4. Tạo ra hoặc phát tán chương trình phần mềm độc hại hoặc tác động đến hạ tầng kỹ thuật nhằm gây rối loạn, thay đổi, phá hoại hoạt động của hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử.

5. Lợi dụng giao dịch điện tử để thực hiện, che giấu hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm kỷ luật đảng, vi phạm quy định về những điều đảng viên không được làm.

6. Cung cấp thông tin không chính xác, giả mạo, mạo danh cơ quan, tổ chức, cá nhân khác để thực hiện giao dịch điện tử.

7. Sử dụng chữ ký số không đúng mục đích.

8. Tự ý can thiệp vào hạ tầng kỹ thuật, máy chủ, đường truyền nội bộ.

9. Không tuân thủ quy trình bảo mật, sao lưu, phục hồi dữ liệu theo quy định; truy cập trái phép vào hệ thống giao dịch điện tử nội bộ của Đảng hoặc can thiệp vào hệ thống xử lý văn bản.

10. Phá hoại, làm gián đoạn kết nối mạng nội bộ, mạng diện rộng của Đảng.

11. Giả mạo chữ ký số của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thực hiện giao dịch điện tử.

12. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Điều 6. Ứng dụng, phát triển và quản lý hoạt động giao dịch điện tử

1. Các cơ quan, tổ chức đảng có trách nhiệm quản lý và vận hành hệ thống thông tin, ưu tiên đầu tư hạ tầng kỹ thuật công nghệ số đáp ứng yêu cầu phát triển giao dịch điện tử theo phân cấp quản lý và tuân thủ Kiến trúc chuyển đổi số trong các cơ quan đảng; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bảo mật dữ liệu. Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có trách nhiệm sử dụng giao dịch điện tử trong hoạt động của cơ quan, tổ chức mình.

2. Văn phòng Trung ương Đảng chịu trách nhiệm đầu tư, phát triển và quản lý hoạt động các ứng dụng phục vụ giao dịch điện tử trong các cơ quan, tổ chức đảng phù hợp với Kiến trúc chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phát triển giao dịch điện tử toàn diện, toàn trình để thực hiện toàn bộ quy trình công việc bằng phương tiện điện tử, thúc đẩy chuyển đổi số; tối ưu hoá quy trình, rút ngắn thời gian xử lý, thuận tiện hơn so với các phương thức giao dịch khác.

3. Việc quản lý hoạt động giao dịch điện tử được thực hiện theo quy định của Đảng và Nhà nước. Các cơ quan, tổ chức đảng có trách nhiệm quản lý hoạt động giao dịch điện tử trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

Chương II
CHỮ KÝ SỐ, DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ VÀ ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ

Điều 7. Về chữ ký số trong các cơ quan, tổ chức đảng

Chữ ký số sử dụng trong các cơ quan, tổ chức đảng là chữ ký số chuyên dùng công vụ, đáp ứng các điều kiện theo quy định của Đảng và Nhà nước, được cấp bởi Ban Cơ yếu Chính phủ, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ.

Điều 8. Giá trị pháp lý của chữ ký số

1. Trường hợp pháp luật quy định văn bản cần có chữ ký thì yêu cầu đó được xem là đáp ứng đối với một văn bản điện tử nếu văn bản điện tử đó được ký bằng chữ ký số.

2. Chữ ký số của cá nhân có giá trị pháp lý tương đương với chữ ký của cá nhân đó trong văn bản giấy.

3. Chữ ký số của người có thẩm quyền được sử dụng để ký các văn bản điện tử mà người đó cần ký theo quy định của pháp luật.

4. Chữ ký số của cơ quan, tổ chức có giá trị pháp lý tương đương với con dấu của cơ quan, tổ chức đó trong các giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu.

Điều 9. Về tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số

1. Dịch vụ chứng thực chữ ký số trong các cơ quan, tổ chức đảng được cung cấp bởi Ban Cơ yếu Chính phủ, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật và quy định của Đảng về an toàn, bảo mật thông tin.

2. Văn phòng Trung ương Đảng phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì bảo đảm kỹ thuật thiết lập, quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống chứng thực

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

chữ ký số của các cơ quan, tổ chức đảng trên hệ thống mạng máy tính của Đảng; đồng thời, phối hợp thực hiện việc thu hồi hoặc vô hiệu hoá chứng thư số khi có thay đổi về nhân sự, chức vụ hoặc thẩm quyền sử dụng, bảo đảm được ghi nhận, lưu trữ nhật ký điện tử và báo cáo định kỳ hằng quý cho Văn phòng Trung ương Đảng để quản lý thống nhất, an toàn và phòng ngừa việc sử dụng trái phép chữ ký số.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức đảng trong việc sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số

1. Thực hiện trách nhiệm của "người quản lý thuê bao" đối với việc đăng ký, quản lý và sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số theo quy định.

2. Phối hợp bảo đảm yêu cầu về kỹ thuật quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống chứng thực chữ ký số do Ban Cơ yếu Chính phủ triển khai trên mạng máy tính nội bộ của cơ quan, tổ chức mình.

Điều 11. Định danh điện tử

1. Mỗi cá nhân được cấp định mã định danh điện tử thống nhất, gắn với phương thức xác thực được xác định bằng một trong các biện pháp xác thực quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 12 của Quy định này.

2. Mỗi cơ quan, tổ chức được cấp định mã định danh điện tử thống nhất, gắn với chữ ký số của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu.

3. Việc định danh và xác thực điện tử đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức ưu tiên sử dụng tài khoản định danh điện tử quốc gia (VNeID). Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an xây dựng lộ trình và giải pháp kỹ thuật nhằm tích hợp, sử dụng thống nhất, bảo đảm an toàn, bảo mật.

4. Mã định danh điện tử của cơ quan, tổ chức đảng được cấp thống nhất và phải bảo đảm khả năng liên thông với mã định danh của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội khác, phù hợp với Kiến trúc chuyển đổi số trong các cơ quan đảng và Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, Khung kiến trúc Chính phủ số Việt Nam.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo mật tài khoản định danh điện tử; thiết lập quy trình xử lý khi tài khoản bị mất, bị giả mạo; kịp thời báo cáo sự cố và triển khai biện pháp khắc phục.

6. Các đơn vị phải xây dựng cơ chế dự phòng và phương án phục hồi hệ thống định danh và chữ ký số khi xảy ra gián đoạn; tổ chức kiểm tra, diễn tập định kỳ để bảo đảm tính liên tục, an toàn và khả năng ứng phó sự cố.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Chương III
VĂN BẢN ĐIỆN TỬ

Điều 12. Giá trị pháp lý của văn bản điện tử

1. Văn bản điện tử phải phù hợp với quy định của Đảng và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về quản lý nhà nước. Hình thức thể hiện, việc khởi tạo, gửi, nhận văn bản điện tử và giá trị pháp lý của văn bản điện tử được thực hiện theo Luật Giao dịch điện tử.

2. Văn bản điện tử có giá trị là bản gốc khi được thực hiện một trong các biện pháp sau:

a) Văn bản điện tử được ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản.

b) Hệ thống thông tin phải có các biện pháp bảo đảm tính toàn vẹn của văn bản điện tử trong suốt quá trình truyền gửi, nhận và lưu trữ; đồng thời phải được trang bị chức năng gắn, kiểm tra và lưu trữ dấu thời gian điện tử cho văn bản. Hệ thống cần ghi nhận đầy đủ thông tin về cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi tạo văn bản điện tử, cũng như các cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có trách nhiệm liên quan tham gia xử lý văn bản. Để xác thực các chủ thể này, hệ thống áp dụng một trong các biện pháp sau: Xác thực bằng chứng thư số (chữ ký số), xác thực bằng sinh trắc học hoặc xác thực đa yếu tố, trong đó ít nhất có một yếu tố là mã xác thực dùng một lần (OTP) hoặc mã xác thực ngẫu nhiên.

c) Biện pháp khác mà các bên tham gia giao dịch thống nhất lựa chọn, bảo đảm tính toàn vẹn của dữ liệu, tính xác thực, tính chống chối bỏ, phù hợp với quy định của Luật Giao dịch điện tử.

3. Đối với văn bản điện tử cần ký số và có giá trị như văn bản giấy được ký tay và không cần đóng dấu thì văn bản đó được xem là đáp ứng nếu được ký bởi chữ ký số của cá nhân.

4. Đối với văn bản điện tử cần ký số và có giá trị như văn bản giấy được ký tay và đóng dấu thì văn bản đó được xem là đáp ứng nếu được ký bởi chữ ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản.

5. Đối với văn bản giấy đã được ký tay, đóng dấu được xem là đáp ứng nếu văn bản đó được số hoá và ký bằng chữ ký số của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều 13. Về việc sử dụng chữ ký số đối với văn bản điện tử

1. Thể thức văn bản điện tử được thực hiện theo quy định của Văn phòng Trung ương Đảng.

2. Văn bản điện tử khi được phát hành và giao dịch phải có đủ chữ ký số của cá nhân và/hoặc tổ chức có trách nhiệm ký văn bản điện tử theo quy định.

3. Trong trường hợp văn bản điện tử chỉ có chữ ký số của người có thẩm quyền thì hệ thống thông tin quản lý văn bản điện tử phải có khả năng nhận biết và xác thực việc đã xử lý của người có trách nhiệm theo quy định của pháp luật trong quá trình xử lý văn bản điện tử đến người ký cuối cùng.

4. Văn thư cơ quan, tổ chức phải kiểm tra tính hợp lệ của chữ ký số trên văn bản điện tử khi thực hiện quy trình tiếp nhận văn bản đến và phát hành văn bản đi trên hệ thống. Trường hợp văn bản điện tử không hợp lệ hoặc có sai sót thì gửi trả lại cơ quan, tổ chức gửi văn bản hoặc thông báo ngay cho người có thẩm quyền cho ý kiến xử lý.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp và sử dụng chữ ký số có trách nhiệm quản lý, bảo mật, không để lạm dụng, giả mạo; đồng thời, xây dựng phương án dự phòng, phục hồi khi hệ thống ký số bị gián đoạn hoặc gặp sự cố kỹ thuật.

Điều 14. Tạo lập, xử lý, quản lý văn bản điện tử

Việc tạo lập, phát hành, giao nộp, gửi, nhận, lưu trữ, thu hồi, huỷ văn bản điện tử được thực hiện theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Điều 15. Chuyển từ văn bản giấy sang văn bản điện tử

1. Phương thức chuyển đổi từ văn bản giấy sang văn bản điện tử:

a) Văn bản giấy được chuyển thành văn bản điện tử bằng phương thức số hoá (bao gồm sao chụp, quét...) và lưu dưới dạng tệp tin (pdf, doc, docx…) trên hệ thống thông tin.

b) Nội dung của văn bản giấy được chuyển thành dữ liệu để lưu vào hệ thống thông tin.

c) Trên thông điệp dữ liệu được chuyển đổi từ văn bản giấy, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể lựa chọn hiển thị bổ sung mã phản hồi nhanh (QR) hoặc hình thức mã hoá khác chứa các thông tin trên để phục vụ việc tra cứu và sử dụng thông tin bằng phương tiện điện tử.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Văn bản điện tử được chuyển đổi từ văn bản giấy phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Phản ánh đầy đủ nội dung của văn bản giấy.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoặc chịu trách nhiệm về việc chuyển đổi văn bản giấy sang văn bản điện tử hoặc thực hiện ký số trên văn bản điện tử được chuyển đổi từ văn bản giấy phải bảo đảm việc xác thực theo một trong các biện pháp quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 12 của Quy định này.

3. Văn bản điện tử được chuyển đổi từ văn bản giấy có giá trị như văn bản giấy trừ trường hợp có quy định khác của Đảng.

Điều 16. Chuyển văn bản điện tử sang văn bản giấy

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng vai trò khởi tạo văn bản điện tử hoặc vai trò chủ quản hệ thống thông tin có thể in văn bản từ dữ liệu điện tử để lưu trữ, đối chiếu thông tin hoặc xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thông tin về văn bản hoặc cung cấp cho các cơ quan, tổ chức có nhu cầu tra cứu, xác minh thông tin trong phạm vi quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể yêu cầu chủ quản hệ thống thông tin xác nhận việc thực hiện giao dịch điện tử dưới dạng giấy để xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thông tin về văn bản hoặc cung cấp cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu tra cứu, xác minh thông tin trong phạm vi quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Việc yêu cầu và xác nhận này khi được thực hiện tại cơ quan của Đảng phải tuân thủ quy định, trình tự, thủ tục về cung cấp thông tin theo quy định của Đảng và Nhà nước về việc tiếp cận thông tin.

3. Văn bản giấy được chuyển đổi từ văn bản điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Phản ánh đầy đủ, chính xác nội dung của văn bản điện tử.

b) Có thông tin thể hiện văn bản đã được xử lý trên hệ thống thông tin và tên của hệ thống thông tin hoặc tên của chủ quản hệ thống thông tin.

c) Có mã định danh của văn bản điện tử để phục vụ việc tra cứu, xác minh thông tin hoặc có họ tên, chữ ký của người thực hiện chuyển đổi.

d) Có con dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện việc chuyển đổi trong trường hợp phải thực hiện theo quy định của pháp luật hoặc theo thoả thuận giữa các bên giao dịch.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

4. Trên văn bản giấy được chuyển đổi từ văn bản điện tử, cơ quan, tổ chức, cá nhân phải hiển thị bổ sung mã phản hồi nhanh (QR) hoặc các hình thức mã hoá khác chứa các thông tin trên để phục vụ việc tra cứu bằng phương tiện điện tử đối với văn bản điện tử đã chuyển đổi sang văn bản giấy và các thông tin liên quan.

5. Văn bản giấy được chuyển đổi từ văn bản điện tử có giá trị như văn bản điện tử trừ trường hợp có quy định khác của Đảng.

6. Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn việc xác định danh mục các văn bản thuộc phạm vi "có quy định khác của Đảng".

Điều 17. Sửa đổi văn bản điện tử

1. Việc sửa đổi văn bản điện tử khi chưa được phê duyệt chính thức hoặc chưa được truyền đi để thực hiện giao dịch điện tử thực hiện theo quy trình quản lý của cơ quan, tổ chức khởi tạo văn bản hoặc chủ quản hệ thống thông tin.

2. Đối với việc văn bản điện tử đã được phê duyệt chính thức hoặc đã phát hành, khi cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm ban hành văn bản đính chính, thay thế hoặc thu hồi theo quy định về công tác văn thư và ban hành văn bản của Đảng; không thực hiện việc sửa trực tiếp trên văn bản gốc.

3. Hệ thống thông tin phải ghi nhận đầy đủ người thực hiện, thời điểm, nội dung và lý do sửa đổi, bảo đảm truy xuất, kiểm tra và lưu trữ lịch sử xử lý văn bản điện tử.

Điều 18. Lưu trữ văn bản điện tử

Đáp ứng yêu cầu được đề cập tại Khoản 3, Điều 24 của Quy định này.

Điều 19. Huỷ hiệu lực của văn bản điện tử

1. Huỷ hiệu lực của văn bản điện tử là việc chấm dứt giá trị pháp lý của văn bản trong quá trình giao dịch điện tử, không đồng nghĩa với việc huỷ tài liệu lưu trữ điện tử.

2. Văn bản điện tử bị huỷ hiệu lực khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Văn bản được huỷ theo quy trình, quy định nội bộ của cơ quan, tổ chức đảng hoặc đơn vị khởi tạo, xử lý văn bản điện tử, bảo đảm tuân thủ quy định của Đảng về công tác văn thư, lưu trữ, giao dịch điện tử và các quy định có liên quan trong từng lĩnh vực.

b) Văn bản bị huỷ trên cơ sở đồng ý và xác nhận của các bên tham gia giao dịch điện tử hai chiều có yếu tố thoả thuận, không áp dụng đối với văn bản hành chính, văn bản chỉ đạo, điều hành trong nội bộ các cơ quan, tổ chức đảng.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Việc xác nhận được thể hiện bằng một trong các cách sau: Văn bản có chữ ký của các bên tham gia giao dịch hoặc người được uỷ quyền hợp pháp, áp dụng quy định về giá trị pháp lý của văn bản điện tử theo Điều 13 của Quy định này; đề nghị huỷ văn bản của một bên và sự chấp nhận của bên hoặc các bên còn lại thông qua thư điện tử hoặc thông điệp dữ liệu được tạo, lưu trữ trong cùng hệ thống thông tin khởi tạo văn bản điện tử, được xác thực bằng một trong các biện pháp hợp lệ quy định tại Điều 13 của Quy định này.

3. Việc huỷ hiệu lực văn bản điện tử phải được thực hiện theo quy trình kỹ thuật của hệ thống thông tin, ghi nhận rõ người thực hiện, thời điểm, lý do và hình thức huỷ, đồng thời thông báo bằng hình thức điện tử hoặc hình thức khác theo quy định đến các bên liên quan.

4. Văn bản điện tử đã huỷ hiệu lực phải được lưu trữ nguyên trạng để phục vụ việc kiểm tra, tra cứu của các cơ quan đảng, tổ chức đảng có thẩm quyền theo thời hạn lưu trữ quy định theo từng lĩnh vực của Đảng.

5. Thời điểm văn bản điện tử bị huỷ hiệu lực thì đồng thời văn bản giấy đã chuyển đổi từ văn bản điện tử này (nếu có) cũng bị mất hiệu lực và không còn giá trị sử dụng.

6. Khi văn bản giấy (bản gốc) bị huỷ hiệu lực, văn bản điện tử được chuyển đổi từ văn bản giấy đó cũng đồng thời mất hiệu lực và không còn giá trị sử dụng.

Điều 20. Huỷ văn bản điện tử

1. Huỷ văn bản điện tử là việc tiêu huỷ tài liệu điện tử sau khi đã hết thời hạn lưu trữ theo quy định của Đảng và pháp luật về lưu trữ. Việc huỷ văn bản điện tử được thực hiện theo quyết định của cơ quan, tổ chức đảng có thẩm quyền. Trường hợp có yêu cầu đặc biệt, cơ quan có thẩm quyền có thể quyết định kéo dài thời hạn lưu trữ đối với văn bản điện tử.

2. Việc huỷ văn bản điện tử phải bảo đảm đúng phạm vi, không làm ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của các văn bản điện tử chưa huỷ, bảo đảm an toàn thông tin và duy trì sự hoạt động ổn định của hệ thống.

3. Hệ thống thông tin phải ghi nhận đầy đủ việc huỷ văn bản điện tử dưới dạng danh mục, gồm thông tin về thời điểm, người thực hiện, lý do, căn cứ và cơ quan phê duyệt việc huỷ; danh mục này được lưu trữ trên hệ thống, sẵn sàng cho việc tra cứu, kiểm tra khi cần thiết.

Điều 21. Niêm phong văn bản điện tử

1. Thẩm quyền niêm phong văn bản điện tử thực hiện theo quy định của pháp luật về niêm phong tài liệu, vật chứng phục vụ quá trình kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Việc niêm phong văn bản điện tử phải bảo đảm:

a) Không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của hệ thống thông tin và các tác nghiệp của tổ chức, cá nhân.

b) Có thể khôi phục toàn vẹn văn bản điện tử bị niêm phong tại hệ thống thông tin của tổ chức, cá nhân sau thời hạn niêm phong.

c) Xác định được việc truy cập, thay đổi nội dung của văn bản điện tử bị niêm phong.

d) Hệ thống thông tin phải đánh dấu văn bản điện tử bị niêm phong và ghi nhận thời điểm, người thực hiện niêm phong văn bản điện tử.

3. Sau khi cơ quan có thẩm quyền quyết định và thực hiện các biện pháp niêm phong thì tổ chức, cá nhân không được phép truy cập, khai thác, sao chép, sửa đổi hoặc sử dụng văn bản điện tử này trong hệ thống thông tin của mình để giao dịch hoặc sử dụng cho mục đích khác.

4. Việc huỷ niêm phong văn bản điện tử được thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền đã ra quyết định niêm phong. Hệ thống thông tin phải ghi nhận việc huỷ niêm phong, thời điểm và người thực hiện.

Điều 22. Sử dụng hệ thống thông tin điện tử

1. Văn bản điện tử được phép gửi, nhận, xử lý, lưu trữ giữa cơ quan, tổ chức, cá nhân với hệ thống thông tin điện tử hoặc giữa các hệ thống thông tin điện tử với nhau theo quy định.

2. Đối với văn bản điện tử có chứa bí mật nhà nước phải đáp ứng yêu cầu theo quy định của ngành Cơ yếu, phân quyền khai thác và áp dụng các giải pháp bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin khác khi sử dụng môi trường điện tử và trong toàn bộ quá trình thực hiện dự thảo, gửi, nhận, xử lý và lưu trữ văn bản.

3. Văn phòng Trung ương Đảng, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương và các cơ quan đảng ở Trung ương hướng dẫn việc quản lý, gửi, nhận, xử lý, lưu trữ văn bản điện tử trong các hệ thống thông tin chuyên ngành thuộc thẩm quyền.

Chương IV
KHO LƯU TRỮ SỐ VÀ LƯU TRỮ ĐIỆN TỬ

Điều 23. Kho lưu trữ số

1. Các cơ quan đảng có trách nhiệm thiết lập và duy trì kho lưu trữ số chuyên dụng, bảo đảm các tiêu chí sau:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

a) Có hạ tầng kỹ thuật độc lập, ổn định và bảo mật cao; được phân loại cấp độ an toàn hệ thống thông tin theo quy định pháp luật.

b) Bảo đảm khả năng lưu trữ dài hạn, truy xuất chính xác, ngăn chặn can thiệp trái phép.

c) Đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia về lưu trữ điện tử và bảo mật dữ liệu.

2. Kho lưu trữ số phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Hỗ trợ thực hiện các hoạt động nghiệp vụ lưu trữ tài liệu lưu trữ số; quản lý cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ.

b) Bảo đảm an toàn thông tin, tính toàn vẹn, xác thực, khả năng truy cập, sử dụng và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ.

c) Kết nối để chia sẻ, khai thác theo quy định của Đảng và Nhà nước.

d) Cho phép truy cập phân quyền.

đ) Ghi nhận đầy đủ lịch sử khai thác, chỉnh sửa, truy xuất tài liệu.

e) Tự động sao lưu định kỳ và có phương án phục hồi sau sự cố.

3. Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì ban hành hướng dẫn kỹ thuật về mô hình và tiêu chuẩn vận hành kho lưu trữ số.

Điều 24. Lưu trữ điện tử

1. Việc lưu trữ điện tử tuân thủ các quy định của Đảng và Nhà nước.

2. Về thời hạn lưu trữ tài liệu điện tử theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn cụ thể danh mục tài liệu theo phân loại trên.

3. Đối với văn bản điện tử, cơ quan, đơn vị thực hiện lưu trữ phải bảo đảm các điều kiện quy định tại Khoản 1, Điều 13 Luật Giao dịch điện tử.

4. Công tác lưu trữ dữ liệu, hồ sơ dưới hình thức điện tử có chứa bí mật nhà nước cần tích hợp giải pháp bảo mật của cơ yếu khi đưa lên môi trường điện tử.

Điều 25. Thu nộp, bảo quản, sử dụng tài liệu lưu trữ điện tử và huỷ tài liệu lưu trữ điện tử hết giá trị

Đối với văn bản điện tử, cơ quan, đơn vị thực hiện lưu trữ phải thực hiện các hoạt động nghiệp vụ lưu trữ quy định tại Điều 36 Luật Lưu trữ.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Chương V
GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

Điều 26. Giao dịch điện tử giữa các hệ thống thông tin điện tử

1. Việc trao đổi thông tin dữ liệu điện tử giữa các hệ thống thông tin điện tử nội bộ trong các cơ quan, tổ chức đảng tuân thủ Kiến trúc chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.

2. Việc trao đổi thông tin dữ liệu điện tử giữa các hệ thống thông tin điện tử của Đảng với các cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống thông tin khác tuân thủ theo khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số và Kiến trúc chuyển đổi số trong các cơ quan đảng hiện hành; phù hợp với định hướng chuyển đổi số quốc gia.

Điều 27. Giao dịch điện tử tự động

1. Giao dịch điện tử tự động là giao dịch được thực hiện toàn bộ hoặc một phần bởi hệ thống thông tin đã được cấu hình trước mà không có sự can thiệp trực tiếp của con người tại thời điểm diễn ra giao dịch.

2. Các hệ thống thực hiện giao dịch tự động phải đáp ứng:

a) Có cơ chế kiểm soát quy trình, phát hiện và ngăn ngừa lỗi hệ thống.

b) Ghi nhận đầy đủ nhật ký hệ thống, bao gồm nội dung giao dịch, thời điểm, người chịu trách nhiệm kiểm duyệt.

c) Được kiểm tra, đánh giá bảo mật và an toàn định kỳ.

d) Được bảo đảm cấp độ an toàn hệ thống thông tin theo quy định pháp luật.

3. Trường hợp giao dịch điện tử tự động gây ra sai lệch thông tin, cơ quan chủ quản hệ thống chịu trách nhiệm khắc phục và báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

4. Việc ứng dụng hệ thống thông minh tự động, trí tuệ nhân tạo trong giao dịch điện tử phải tuân thủ các quy định của Quy định này và các quy định có liên quan của Đảng, bảo đảm an toàn, bảo mật, minh bạch và khả năng kiểm soát của con người trong mọi giai đoạn hoạt động của hệ thống.

Điều 28. Sử dụng chữ ký số đối với giao dịch điện tử

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử phải sử dụng chữ ký số do Ban Cơ yếu Chính phủ, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ cấp để xác thực văn bản điện tử và các giao dịch, tác nghiệp liên quan thuộc danh mục bắt buộc theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Văn phòng Trung ương Đảng, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương và các cơ quan đảng ở Trung ương hướng dẫn danh mục giao dịch điện tử bắt buộc phải sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ theo cấp độ an toàn thông tin, thẩm quyền xử lý và tính chất nghiệp vụ; định kỳ rà soát, cập nhật danh mục này khi có yêu cầu thực tiễn.

Điều 29. Bảo đảm an toàn, bảo mật

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý, bảo vệ, định kỳ kiểm tra, rà soát, tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống thông tin điện tử của mình; chịu sự quản lý, giám sát, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền; bảo đảm hoạt động tin cậy, liên tục, an toàn, kịp thời khắc phục sự cố (nếu có) của hệ thống thông tin điện tử khi tiến hành giao dịch điện tử.

2. Ban Cơ yếu Chính phủ bảo đảm bảo mật thông tin; phối hợp tổ chức giám sát an toàn thông tin trên mạng thông tin diện rộng của Đảng.

3. Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn chi tiết yêu cầu, giải pháp kỹ thuật đáp ứng theo cấp độ an toàn thông tin của hệ thống và tổ chức bảo đảm an toàn, an ninh và bảo mật trong giao dịch điện tử; bảo đảm hoạt động tin cậy, liên tục, an toàn của hệ thống chứng thực chữ ký số và các hệ thống thông tin điện tử khác trên mạng thông tin diện rộng của Đảng.

4. Các cơ quan, tổ chức đảng có trách nhiệm tổ chức diễn tập định kỳ (6 tháng hoặc hằng năm) về an toàn, an ninh thông tin và ứng phó, xử lý sự cố đối với các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Trách nhiệm của tổ chức

1. Các đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các cơ quan đảng ở Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, tỉnh uỷ, thành uỷ có trách nhiệm xây dựng và ban hành theo thẩm quyền các quy định cụ thể về việc thực hiện giao dịch điện tử trong nội bộ cơ quan, tổ chức. Đồng thời, cần chú trọng công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức; phối hợp với các cơ quan liên quan có biện pháp quản lý, bảo đảm kỹ thuật, an toàn, an ninh thông tin trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với các cơ quan đảng ở Trung ương và các cơ quan nhà nước liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, nắm tình hình, kiểm tra việc triển khai thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan đảng, định kỳ báo cáo (hằng quý, 6 tháng hoặc theo yêu cầu của lãnh đạo) và kiến nghị với Ban Bí thư sửa đổi, bổ sung Quy định khi cần thiết.

3. Đảng uỷ Công an Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức liên thông, trao đổi, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, các hệ thống thông tin của Bộ Công an với hệ thống thông tin của cơ quan đảng. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn Bộ Công an phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng bảo đảm công tác an toàn, an ninh mạng trong quá trình giao dịch điện tử trong các cơ quan, tổ chức đảng.

4. Quân uỷ Trung ương chủ trì, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Công an, Văn phòng Trung ương Đảng triển khai các giải pháp ngăn chặn, phòng ngừa, ứng phó sự cố an toàn thông tin; hỗ trợ tổ chức triển khai hoạt động giám sát an toàn không gian mạng; định kỳ thực hiện kiểm tra, rà soát làm sạch mã độc, phối hợp tổ chức diễn tập phòng thủ, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; liên thông các hệ thống thông tin do Bộ Quốc phòng quản lý với hệ thống thông tin của cơ quan đảng; phối hợp tổ chức tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ các cơ quan, tổ chức đảng về kiến thức, kỹ năng an toàn thông tin.

5. Đảng bộ Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ đạo Cục Bưu điện Trung ương bảo đảm hạ tầng mạng thông tin diện rộng của Đảng, kết nối thông suốt từ Trung ương đến cơ sở; phối hợp với các bên liên quan bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong quá trình giao dịch điện tử trong các cơ quan, tổ chức đảng.

6. Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, các cơ quan đảng ở Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ triển khai áp dụng các sản phẩm mật mã, giải pháp bảo mật, xác thực, an toàn thông tin của Ban Cơ yếu Chính phủ; chủ trì đào tạo, tập huấn cán bộ công nghệ thông tin, cơ yếu của các cơ quan, tổ chức đảng sử dụng và quản lý các sản phẩm mật mã.

7. Các cấp uỷ, tổ chức đảng có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức về kỹ năng, nghiệp vụ thực hiện giao dịch điện tử, bảo đảm Quy định được triển khai đồng bộ, hiệu quả.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều 31. Trách nhiệm của cá nhân

Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức khi tham gia giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng có trách nhiệm: Bảo mật thông tin theo quy định của Đảng và Nhà nước; quản lý, sử dụng, bảo mật chữ ký số của mình theo quy định; sử dụng các hệ thống thông tin điện tử, thực hiện giao dịch điện tử đúng thẩm quyền; tham gia đầy đủ các khoá đào tạo, tập huấn về kỹ năng sử dụng hệ thống giao dịch điện tử.

Điều 32. Xử lý vi phạm

Mọi hành vi vi phạm các điều, khoản trong Quy định này, tuỳ theo mức độ sẽ bị xem xét, xử lý theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Điều 33. Điều khoản thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quy định này thay thế Quy định số 269-QĐ/TW, ngày 25/11/2014 của Ban Bí thư về thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan đảng.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc bất cập, Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu, đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung và trình Thường trực Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Nơi nhận:
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các cơ quan đảng ở Trung ương,
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Đảng bộ Bộ Khoa học và Công nghệ,
- Ban Cơ yếu Chính phủ,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Trần Cẩm Tú

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn